

Bản án số: 23/2024/HSPT  
Ngày 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tòng Thị Hiền.

*Các Thẩm phán:*

Ông Cầm Xuân Thủy.

Ông Đỗ Tuấn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Việt Khương, bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà  
Cao Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, ngày 08 và ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa  
án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm  
thụ lý số: 27/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn H  
do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST  
ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

\* **Bị cáo kháng cáo:** **Lê Văn H** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 06 tháng  
9 năm 1983 tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Tổ F, phường C, thành phố  
S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc:  
Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch:  
Việt Nam; con ông Lê Văn P (đã chết) và bà Trần Thị T; Bị cáo có vợ là Ngô Lê  
Q, có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự:  
Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2023 đến ngày 20/7/2023  
được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt tại phiên  
tòa”.

\* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Vũ Đức T1 - Luật sư thuộc Văn phòng  
L1 - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, “có mặt”.

\* **Bị hại:** Anh Giàng A C, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản X, xã P, huyện T,  
tỉnh Điện Biên, “có mặt”.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Ngọc C1, sinh  
năm: 1983; địa chỉ: Tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

\* **Người tham gia tố tụng khác:** Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự  
thành phố S. Địa chỉ: Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La; người đại diện

theo ủy quyền: Bà Đinh Khánh L - Chuyên viên phòng T3, thành viên Hội đồng định giá tài sản, “có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H là chủ Gara ô tô X, địa chỉ: Tổ E, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La bị cáo được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề kinh doanh là sửa chữa ô tô, mua bán phụ tùng ô tô và cứu hộ ô tô, ngoài ra H thường xuyên mua lại xe ô tô cũ rồi sửa chữa để bán thu lợi nhuận.

Tháng 6/2022, H mua lại chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 22C-063.92 (*xe đã hết hạn kiểm định từ năm 2019*) của anh Hạng A D, sinh năm 1984, cư trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên với số tiền 97.000.000 đồng. Sau đó, H nhờ anh Nguyễn Ngọc C1, trú tại tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La đến huyện T, tỉnh Điện Biên điều khiển chiếc xe ô tô tải trên về Gara ô tô của H ở thành phố S rồi bảo dưỡng, sửa chữa lại xe để bán. Sau khi mang về G, H đã trả tiền công cho anh C1 với số tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 31/7/2022, thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo Lê Văn H đã có hành vi đặt làm giả giấy tờ của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 26-01D Công ty cổ phần cơ khí S1 (nay là Công ty cổ phần K), gồm: 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số mã hiệu là KC 9917340; 01 tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có số mã hiệu là KC 9917340; 01 tem nộp phí sử dụng đường bộ có số mã hiệu là IQ 2043066 đều của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai BKS 22C-063.92 để thay đổi thời hạn kiểm định từ ngày 04/7/2022 đến ngày 03/02/2023 (thời hạn kiểm định theo giấy chứng nhận kiểm định cũ của xe là từ ngày 02/8/2019 đến ngày 01/11/2019) thay đổi năm sản xuất của xe thành năm 2003 (năm sản xuất đúng của xe là năm 1999), thay đổi niên hạn sử dụng của xe thành năm 2029 (niên hạn sử dụng đúng của xe là năm 2024) và thời hạn nộp phí đường bộ đến ngày 02/01/2023 với số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo nhận các giấy tờ làm giả trên thông qua dịch vụ giao hàng của Công ty Cổ phần G gửi đến với mã đơn hàng là “ĐH 1145323711”. Sau đó, bị cáo đã dán 02 tem giả lên góc phải kính chắn gió phía trước của xe ô tô tải nêu trên, còn giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả thì bị cáo để trong xe ô tô.

Ngày 28/8/2022, bị cáo sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả trên xe để bán chiếc xe ô tô tải này cho anh Giàng A C, sinh năm 1982, trú tại bản Xá Tự, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên với giá 180.000.000 đồng (trị giá của chiếc xe ô tô bán cho anh C tại thời điểm ngày 28/8/2022 định giá là 136.000.000 đồng) nhằm thu lời bất chính số tiền 44.000.000 đồng.

Đến ngày 03/01/2023, khi chiếc xe ô tô tải BKS 22C-063.92 hết hạn đăng kiểm theo thời hạn được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định giả nên anh C

điều khiển xe ô tô đến gara của H nhưng không gặp được H. Anh C đã mang xe ô tô đến Công ty cổ phần K để làm thủ tục đăng kiểm thì Công ty Đ đã phát hiện, thu hồi các giấy tờ, tài liệu giả. Anh C phải nộp phí sử dụng đường bộ (từ ngày 02/11/2019 đến ngày 02/4/2023), phí kiểm định với tổng số tiền là 11.450.000 đồng. Sau đó, anh C và anh C1 đã đến gara ô tô của H để giải quyết sự việc trên nhưng do chỉ đứng ra bán hộ xe giúp H nên anh C1 đã về nhà trước để H và anh C tự thỏa thuận. H đã lập 01 biên bản thỏa thuận với anh C về việc đồng ý với giấy tờ mua bán xe ngày 28/8/2022 và anh C không kiện cáo về đời xe, đăng kiểm của xe, H tiếp tục nhờ anh C1 đứng ra trả lại số tiền 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số mã hiệu là KC 9917340; 01 Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có số mã hiệu là KC 9917340; 01 Tem nộp phí sử dụng đường bộ có số mã hiệu là IQ 2043066; 01 Phong bì của CATP S, mặt trước ghi “Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52 5G của anh Lê Văn H” mặt sau phong bì được niêm phong; 01 (một) Căn cước công dân số 033083010042 mang tên Lê Văn H do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát 22C-063.92, số khung: KMFGA17EPXC113241, số máy: D4AEX064275, năm sản xuất: 1999, nước sản xuất: Hàn Quốc, niên hạn sử dụng: 2024. 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA 4438284. 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 01475 mang tên Cao Đăng S do Phòng C2 Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 22/4/2019.

Ngày 30/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S ra

Quyết định số: 71/QĐ-ĐTTH trưng cầu Công ty Cổ phần K giám định: 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số mã hiệu là KC 9917340; ký hiệu A1. 01 Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có số mã hiệu là KC 9917340, ký hiệu A2. 01 Tem nộp phí sử dụng đường bộ có số mã hiệu là IQ 2043066, ký hiệu A3.

Tại bản Kết luận giám định số: 762/KL-KTHS ngày 08/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Sơn La, kết luận “Các mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 là giả”.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố S, kết luận: Trị giá của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai BKS 22C-063.92 tại thời điểm ngày 28/8/2022 là 136.000.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Anh C đề nghị trả lại xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 22C-063.92 cho bị cáo H và yêu cầu H phải trả lại cho anh C số tiền 180.000.000 đồng tiền mua xe và 11.490.000 đồng là số tiền anh C đã nộp phạt khi đăng kiểm quá hạn, anh C đã nhận 5.000.000 đồng trước

đó, tổng cộng anh C yêu cầu H bồi thường là 186.490.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 180.000.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 198; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Lừa dối khách hàng”. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Văn H phải chấp hành 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa dối khách hàng” (18 tháng cải tạo không giam giữ = 06 tháng tù) và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng cộng là 30 (ba mươi) tháng tù, được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ, bị cáo H còn phải chấp hành tiếp là 29 (hai mươi chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và đến Trại giam (trại tạm giam, nhà tạm giữ) chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/4/2024 bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm gồm sáu nội dung như sau: Thứ nhất đề nghị đưa ông H1 A D vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng; thứ hai đề nghị định giá lại tài sản là chiếc xe ô tô tải có BKS 22C-063.92 vào thời điểm ngày 28/8/2022; thứ ba đề nghị xác định lại số tiền 44.000.000đ không phải là khoản thu lời bất chính; thứ tư đề nghị xác định bị cáo H không phạm tội “Lừa dối khách hàng” vì giao dịch dân sự trong vụ án này là trao đổi tài sản và trả tiền chênh lệch, không phải là giao dịch mua bán; thứ năm đề nghị xem xét lại hành vi phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; thứ sáu xin được hưởng án treo.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn H, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề ngày 23/4/2024 và bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại Giàng A C là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn

H. Y án sơ thẩm về tội danh Lừa dối khách hàng theo quy định Điều 198 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Giữ nguyên mức hình phạt, không cho bị cáo được hưởng án treo đối với tội: Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 198; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Lừa dối khách hàng”. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Văn H phải chấp hành 06 tháng tù về tội “Lừa dối khách hàng” (18 tháng cải tạo tại không giam giữ = 06 tháng tù) và 24 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Tổng cộng là 30 tháng tù được trừ đi 09 ngày tạm giữ, bị cáo H còn phải chấp hành tiếp là 29 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và đến Trại giam chấp hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng, và bị hại Giàng A C nhất trí khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng bị hại đã nhận trước đó của bị cáo, buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 155.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo, không nhất trí đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo.

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm có những vi phạm sau:

+ Về tố tụng: Việc lập biên bản thu hồi tem kiểm định nhưng không niêm phong, sau 20 ngày thì bị hại có đơn tố giác, sau 1 tháng thì đơn vị kiểm định mới bàn giao tem kiểm định cho Công an nhưng không tiến hành niêm phong.

+ Nguồn gốc chiếc xe Lê Văn H mua của Hạng A, lời khai của D do Luật sư thu thập xác định do xe có hỏng một số bộ phận nên đề nghị triệu tập D đến phiên tòa để làm chứng.

+ Việc định giá tài sản là chiếc xe ô tô BKS 22C - 063.92: Cơ quan điều tra có công văn yêu cầu hội đồng định giá trị giá của xe: Hội đồng định giá đã căn cứ vào 03 phiếu khảo sát tại 03 cơ sở, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/03/2018 của chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản, trình tự, thủ tục

định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thì không đúng. Hồ sơ thể hiện không có hợp đồng mua bán và không khảo sát giao dịch thành công trên thị trường, không có thông tin về nhân thân người bị tố giác, bị cáo, bị hại dẫn đến thành viên của hội đồng định giá không biết có liên quan đến những thành phần trên hay không để từ chối tham gia định giá. Hội đồng định giá không mở cửa xe, mở máy, khởi động xe, ô tô còn nguyên niêm phong, hội đồng chỉ quan sát xe để định giá xác định giá trị chiếc xe là 136 triệu đồng là không có căn cứ.

+ Giá trị mua xe 180 triệu - 21 triệu + 159 triệu là chi phí Lê Văn H bỏ ra sửa xe và chưa định giá động cơ xe và khởi động xe nên chưa có căn cứ về thu lợi bất chính.

+ Đề nghị xem xét xác định bị cáo không phạm tội Lừa dối khách hàng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị hại cũng có một phần lỗi. Do cấp sơ thẩm vi phạm việc định giá tài sản cần hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp không hủy bản án yêu cầu khấu trừ 21 triệu vào số tiền thu lợi 44 triệu đồng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

- Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên:

+ Đối với nội dung đề nghị đưa ông H1 A D vào tham gia tố tụng: Giữa bị cáo và Hạng A thống nhất mua bán chiếc xe ô tô giá 97.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ mua bán xe ô tô. Trước khi mua bị cáo biết xe đã hết hạn đăng kiểm, biết năm sản xuất xe năm 1999, ngày đăng ký xe năm 2003. Đây là hợp đồng dân sự, lời khai bị cáo và Hạng A D phù hợp, không mâu thuẫn. Việc bị cáo đề nghị đưa H1 A D vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng không có căn cứ, bởi: Sau khi mua xe của D, H toàn quyền sử dụng, việc mua bán đã thực hiện xong, hai bên không kiện tụng gì. Hợp đồng đã chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên. Bị cáo đề nghị đưa Hạng A D1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không có căn cứ. Vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

+ Đối với nội dung đề nghị xác định số tiền 44.000.000 đồng không phải là khoản thu lợi bất chính: Trong quá trình lấy lời khai xác định bị cáo đã đưa ra các thông tin gian dối không đúng với thực tế, tình trạng của chiếc xe ô tô tại thời điểm mua bán, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại phải nộp phạt khi đăng kiểm quá hạn là 11.490.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền 44.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm truy thu của bị cáo là có căn cứ, đúng quy định.

+ Nội dung đề nghị xem xét bị cáo không phạm tội “Lừa dối khách hàng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại Giàng A C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc C1, có đủ căn cứ chứng minh bị cáo có thủ đoạn gian dối: Đưa ra các thông tin bằng lời nói với bị hại xe ô tô còn niên hạn sử dụng khoảng 07 năm, và làm giấy đăng kiểm, tem kiểm định giả để người bị hại tin tưởng chiếc xe ô tô còn giá trị sử dụng, đã có đăng kiểm và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật đã được cơ quan chuyên môn thẩm định về chuyên môn và kỹ thuật như các bộ phận,

thông số, tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; được lưu kết quả vào hệ thống; liệt kê các hư hỏng để thông báo đến chủ xe tại thời điểm thực tế, nếu không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại, nếu đầy đủ thì đăng ký kiểm định, thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe theo quy định (Thông tư 16/2021/TT-BGTVT. Việc bị cáo đưa ra các thông tin gian dối không đúng với thực tế, tình trạng của chiếc xe ô tô tại thời điểm, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại phải nộp phạt khi đăng kiểm quá hạn là 11.490.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền 44.000.000 đồng, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

+ Đối với đề nghị xem xét lại tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự: Bị cáo Lê Văn H có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức cụ thể: Đặt trên mạng xã hội và sử dụng giấy tờ giả để thay đổi thời hạn kiểm định, năm sản xuất xe, thay đổi niên hạn sử dụng; thay đổi thời hạn nộp phí đường bộ của xe ô tô BKS 22C-06392. Hành vi của bị cáo là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm, thuộc trường hợp nghiêm trọng. "d. Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng". Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo theo quy định điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

+ Đối với nội dung đề nghị xem xét thẩm định, định giá lại tài sản là chiếc xe ô tô BKS 22C-063.92 vào thời điểm ngày 28/8/2022: Quá trình giải quyết tại phiên toà sơ thẩm, do cần làm rõ nội dung liên quan đến việc định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố S, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã triệu tập đại diện Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố S theo Điều 294 Bộ luật Tố tụng Hình sự và trong quá trình xét hỏi tại phiên toà sơ thẩm Hội đồng xét xử đã triệu tập bổ sung cán bộ điều tra vụ án đến để làm rõ một số nội dung liên quan đến việc tham gia quá trình tiến hành định giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 22C-063.92 theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng Hình sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về giá trị các hạng mục của xe mà bị cáo đã sửa chữa, thay thế đều do bị cáo tự đánh giá, ngoài ra đối với các hạng mục khác do bị cáo cung cấp thông tin bổ sung đã sửa chữa thêm của chiếc xe ô tô có giá trị lớn hơn so với giá trị Hội đồng định giá đã đưa ra. Ngoài ra tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị hại đồng ý với Kết luận giám định của cơ quan chuyên môn, không có ý kiến gì, khi mua xe về không lắp đặt sửa chữa gì thêm. Căn cứ tại các tài liệu (Hồ sơ định giá đối với chiếc xe ô tô BKS 22C-063.92; Phiếu khảo sát giá tại gara ô tô ngày 07/9/2023; Phiếu khiếu sát giá tại gara ô tô Lèo Văn H2; Kết luận định giá số 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2023, các tài liệu trên thể hiện đầy đủ tính pháp lý, khách quan, xem xét đúng thực tế tài sản, nguồn gốc, năm sản xuất, trọng tải và thể hiện đầy đủ các thông tin về nhân thân người bị tố giác: Bị cáo, bị hại, đảm

bảo đầy đủ các thông tin cần thiết để tiến hành định giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại Giàng A C nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên, không nhất trí ý kiến của bị cáo và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Lê Văn H kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định về nội dung và hình thức đúng quy định tại khoản 2 Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn H cho rằng không phạm tội "Lừa dối khách hàng" và đề nghị xem xét lại tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" chỉ vi phạm khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 31/7/2022, thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo bị cáo Lê Văn H đã có hành vi đặt làm giả giấy tờ của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 26-01D Công ty cổ phần cơ khí S1 (nay là Công ty cổ phần K) gồm: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và tem nộp phí sử dụng đường bộ. Toàn bộ giấy tờ trên là của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai có biên kiểm soát 22C-063.92 để thay đổi thời hạn kiểm định từ ngày 04/7/2022 đến ngày 03/02/2023 (thời hạn kiểm định theo giấy chứng nhận kiểm định cũ của xe là từ ngày 02/8/2019 đến ngày 01/11/2019) thay đổi năm sản xuất của xe thành năm 2003 (năm sản xuất đúng của xe là năm 1999). Thay đổi niên hạn sử dụng của xe thành năm 2029 (niên hạn sử dụng đúng của xe là năm 2024) và thời hạn nộp phí đường bộ đến ngày 02/01/2023. Mục đích của bị cáo Lê Văn H sử dụng các tài liệu làm giả và dùng thủ đoạn gian dối để bán chiếc xe ô tô tải mang BKS 22C-063.92 và đến ngày 28/8/2022 bị cáo đã bán chiếc xe ô tô tải 22C-063.92 kèm các giấy tờ đã làm giả của xe, cho anh Giàng A C với giá 180.000.000 đồng. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố S, Kết luận trị giá của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai biên kiểm soát 22C-063.92 tại thời điểm ngày 28/8/2022 là 136.000.000 đồng, từ đó xác định số tiền bị cáo thu lời bất chính là 44.000.000 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn H đặt làm và sử dụng giấy tờ giả để thay đổi thời hạn kiểm



định, thay đổi năm sản xuất xe, thay đổi niên hạn sử dụng xe và thay đổi thời hạn nộp phí đường bộ của chiếc xe ô tô tải mang BKS 22C-063.92; Dùng thủ đoạn gian dối của mình để thực hiện hành vi phạm tội khác là bán chiếc xe tải cho anh Giàng A C, với mục đích sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để được hưởng lợi từ việc bán xe. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử bị cáo về tội “Lừa dối khách hàng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 198 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị đưa anh Hạng A D, sinh năm 1984, trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên là người đã bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 22C-063.92 vào tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo và Hạng A thống nhất mua bán chiếc xe ô tô với giá 97.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ mua bán xe ô tô. Trước khi mua xe ô tô bị cáo biết xe đã hết hạn đăng kiểm, biết năm sản xuất xe năm 1999, ngày đăng ký xe năm 2003. Đây là hợp đồng dân sự, lời khai bị cáo và Hạng A D phù hợp, không mâu thuẫn. Việc bị cáo đề nghị đưa H1 A D vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là không có căn cứ, bởi: Sau khi mua xe của anh D, Lê Văn H toàn quyền sử dụng, việc mua bán đã thực hiện xong, hai bên không có tranh chấp về việc mua bán ô tô. Hợp đồng đã chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên. Bị cáo đề nghị đưa anh H3 A D vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu định giá lại tài sản, căn cứ vào các tài liệu liên quan đến nội dung định giá tài sản đối với chiếc ô tô tải mang biển kiểm soát 22C-063.92, tại phiên tòa sơ thẩm đã triệu tập cán bộ điều tra và đại diện Hội đồng định giá tài sản để làm rõ nội dung liên quan đến việc tham gia quá trình tiến hành định giá chiếc xe ô tô mang BKS 22C-063.92 (theo quy định tại Điều 294 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự), tại cấp phúc thẩm đã triệu tập đại diện Hội đồng định giá tài sản để làm rõ, toàn bộ quá trình thẩm định và định giá tài sản đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; Lời khai của bị hại tại phiên tòa và tại quá trình điều tra đều nhất trí đối với Kết luận giám định của cơ quan chuyên môn, không có ý kiến gì; Toàn bộ hồ sơ định giá bao gồm Phiếu khảo sát giá tại ba gara ô tô Lê Trọng H4, Sơn Hưng T2, Lèo Văn H2, Giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật phương tiện thiết bị giao thông cơ giới, giấy chứng nhận đăng ký xe; tại Kết luận định giá số: 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trung bình của 01 xe Hyundai biển kiểm soát 22C-063.92 tại thời điểm ngày 28/8/2022 là 136.000.000 đồng và theo Biên bản họp định giá ngày 09/9/2023 chiếc xe ô tô tải có BKS 22C-063.92 có các đặc điểm sau: Có mui; nhãn hiệu Hyundai; số loại: MIGHTYII; năm sản xuất 1999, niên hạn sử dụng 2024 ; số máy D4AEXO64275; số khung : KMFGAEXC113241 Trọng tải hàng hóa 3.140kg; dung tích 3298; số chỗ ngồi: 03; các nội dung văn bản trên thể hiện đầy đủ tính pháp lý, khách quan, xem xét đúng thực tế tài sản, nguồn gốc, năm sản xuất, tải trọng là đã đảm bảo đầy đủ các thông tin cần thiết

để tiến hành định giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật theo Thông tư số 30/2020/TT-BTC của Bộ T4: Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm bị cáo đưa ra được căn cứ nào khác để định giá lại tài sản. Do đó, việc đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại tài sản là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên kết quả định giá tài sản theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố S, Kết luận: Trị giá của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai BKS 22C-063.92 tại thời điểm ngày 28/8/2022 là 136.000.000 đồng, là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xem xét giảm nhẹ mức hình phạt của bị cáo Lê Văn H: Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tổng hợp hình phạt của 2 tội xử phạt bị cáo là 30 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000đ nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo đối với tội Lừa dối khách hàng và xuất trình ông nội của bị cáo là người có công được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả 2 tội đối với bị cáo. Tuy, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra xử phạt bị cáo mức hình phạt nêu trên là phù hợp. Do đó không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với yêu cầu xin được hưởng án treo: Bị cáo bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội và phạm tội nghiêm trọng. Đối chiếu với điều kiện hưởng án treo quy định tại Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về hưởng án treo số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật hình sự về hưởng án treo thì bị cáo Lê Văn H không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định.

Đối với khoản tiền 44.000.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính. Cấp sơ thẩm tuyên truy thu để trả cho bị hại là không đúng, vì khoản tiền này đều nằm trong tiền mua xe của bị hại, do đó bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường và bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng, ngoài ra bị hại nhất trí khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã nhận trước đó của bị cáo, tổng cộng số tiền bị hại đã nhận bồi thường của bị cáo là 25.000.000 đồng, bị cáo còn

phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 155.000.000 đồng.

Từ nhận định, phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La về phần bồi thường dân sự.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La về phần bồi thường dân sự như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 198; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Lừa dối khách hàng”. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Lê Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Văn H phải chấp hành 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa dối khách hàng” (18 tháng cải tạo không giam giữ = 06 tháng tù) và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng cộng là 30 (ba mươi) tháng tù, được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ, bị cáo H còn phải chấp hành tiếp là 29 (hai mươi chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại Giàng A C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại Giàng A C số tiền là 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

*“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn H phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch là 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2024)./.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Phòng KTNV-THA;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tòng Thị Hiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cầm Xuân Thủy**

**Đỗ Tuấn Long**

**Tòng Thị Hiền**